TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/7/2026.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Bích Lan và ông Hoàng Triệu Nghĩa.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4-Quảng Ngãi.

Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nguyệt – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi.

Ngày 13/7/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 170/2026/TLST-HNGĐ ngày 22-4-2026, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Hồng L.
- *Bị đơn:* Anh Phan Thanh Q.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã N, tỉnh Quảng Ngãi. "Đều có đơn xin xét xử vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Bùi Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Thanh Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2005 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Việc kết hôn của vợ chồng chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ, chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q không lo kinh tế gia đình, đi làm không đưa tiền cho chị chi tiêu gia đình, uống rượu về đánh chị nhiều lần. Đến năm 2025 chị đã làm đơn xin ly hôn với anh Q nhưng vì thương con, đồng thời anh Q xin chị tha thứ và nhờ gia đình chị khuyên chị rút đơn nên chị đã rút đơn về đoàn tụ. Sau khi rút đơn về đoàn tụ anh Q không thay đổi mà vẫn đánh chị, chị phải báo chính quyền can thiệp. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ ngày 07/3/2026 đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, chị không còn yêu anh Q nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Thanh Q; Về con chung: Vợ, chồng chị sinh được 03 con chung là Phan Thanh Đ, sinh ngày 19/10/2005, Phan Thanh Đ1, sinh ngày 21/02/2013 và cháu Phan Linh Đ2, sinh ngày 06/11/2029, khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cháu Đ1 và cháu Đ2 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị không yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đ đã trên 18 tuổi và tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, nợ nần: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí DSST chị nhận chịu.

Tại bản tự khai ngày 06/5/2026, bị đơn anh Phan Thanh Q trình bày: Anh và chị Bùi Thị Hồng L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, thời điểm và địa điểm kết hôn, việc kết hôn tự nguyện như chị L trình bày ở trên. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên có lúc cãi nhau. Đến đầu năm 2026 thì vợ chồng xảy ra cãi vã, anh đã đánh chị một bạt tai nên chị L dọn về nhà mẹ đẻ ở từ đó, anh đi tìm chị 02 lần nhưng chị L không về, anh mong Tòa án để cho anh thời gian thay đổi bản thân rồi anh động viên chị L về đoàn tụ. Nếu chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung, anh trình bày như chị L trình bày ở trên, nếu ly hôn chị L nuôi cháu nào anh cũng đồng ý nhưng anh không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị L không có khả năng nuôi thì anh trực tiếp nuôi con. Về tài sản, nợ nần anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí DSST anh yêu cầu chị L chịu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đều thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Hồng L. Chị Bùi Thị Hồng L được ly hôn với anh Phan Thanh Q. Vì: vợ, chồng chị L, anh Q đã xảy ra mâu thuẫn một thời gian dài, anh Q đã đánh chị L được hai bên thừa nhận, hiện tại đã không còn chung sống với nhau gần bốn tháng nay, xác định hôn nhân của chị L và anh Q đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, khi ly hôn giao cả 02 con chung là

cháu Phan Linh Đ2, sinh ngày 06/11/2029 và cháu Phan Thanh Đ1, sinh ngày 21/02/2013 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Q không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đ đã trên 18 tuổi và tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật; Về tài sản, nợ nần: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về án phí DSST chị L phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy, bị đơn có nơi cư trú tại xã N, tỉnh Quảng Ngãi nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án khu vực 4 - Quảng Ngãi giải quyết vụ án và nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự như đề nghị của đại diện VKS là đúng quy pháp luật cần chấp nhận.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng L và anh Phan Thanh Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Xét nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị Bùi Thị Hồng L xin ly hôn với anh Phan Thanh Q, anh Q muốn một thời gian để thay đổi bản thân mong chị L về đoàn tụ nếu chị L kiên quyết ly hôn với anh thì anh yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị L và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh Q không cùng chị L lo kinh tế chi tiêu cho gia đình, uống rượu về đánh chị nhiều lần. Vợ, chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3 năm 2026 đến nay, anh Q xin một thời gian để anh tìm chị lẫm về đoàn tụ nhưng đến nay chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh. Chị L xác định tình cảm vợ, chồng không còn, chị không còn yêu thương anh Q nữa. Như vậy, vợ chồng chị L và anh Q đã không giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, không có sự tôn trọng nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng; Hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của

HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

- Về con chung: Xét về yêu cầu của chị L được trực tiếp nuôi 02 con chưa đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Q anh phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, vợ, chồng chị L và anh Q sinh được 03 con chung như chị L trình bày ở trên và được anh Q thừa nhận. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định thì khi ly hôn vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng các bên không thỏa thuận được cụ thể việc nuôi con sau ly hôn. Để đảm bảo mọi quyền lợi của con chưa thành niên khi cha, mẹ ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình thì hiện tại chị L là người đang trực tiếp nuôi con, có sự giúp đỡ việc chăm sóc con và giúp về chỗ ở để nuôi con sau khi ly hôn từ mẹ chị L (BL số 27); Đồng thời nguyện vọng của 02 cháu Đ2 và Đ1 đều có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn và thời gian vợ, chồng anh, chị không chung sống với nhau thì các cháu đều do chị L trực tiếp nuôi dưỡng mà không có tiền cấp dưỡng của anh Q nhưng các cháu vẫn được chăm sóc tốt. Do đó, Hội đồng xét xử thông nhất với đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa, cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc giao con chung là Phan Thanh Đ, sinh ngày 19/10/2005 và Phan Thanh Đ1, sinh ngày 21/02/2013 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh Q không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Đối với cháu Đ đã trên 18 tuổi và tự lập được nên chị L không yêu cầu giải quyết là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng chị L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" của nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng L được ly hôn với anh Phan Thanh Q.

- Về con chung: Giao con chung là Phan Thanh Đ, sinh ngày 19/10/2005 và Phan Thanh Đ1, sinh ngày 21/02/2013 cho chị Bùi Thị Hồng L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh Phan Thanh Q không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Thanh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng chị Bùi Thị Hồng L phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị Hồng L đã nộp theo biên lai số 0001704 ngày 20/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị Bùi Thị Hồng L đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THA dân sự khu vực 4;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Hồng Dung